

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Oánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 2015)
Bà Đỗ Thị Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)
Ông Lại Phương Bảo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)
Ông Ngô Văn Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)
Ông Phan Hải Triều	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)
Ông Cao Bắc Việt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)
Ông Đậu Văn Cảnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đỗ Thị Hằng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 ngày 03 tháng 2015)
Ông Đinh Quốc Quyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2015)
Ông Nguyễn Đăng Tịnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2015)
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Hằng

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 09 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huệ, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 18.09/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 09 năm 2016 từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, do đó Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Đồng thời chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có giá trị lần lượt là 487.353.178 đồng và 68.215.077.772 đồng cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo ước tính của chúng tôi số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập là 35.597.516.483 đồng. Theo đó trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “chi phí quản lý doanh nghiệp” đang phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu “lợi nhuận trước thuế” đang phản ánh cao hơn tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		235.990.233.440	70.994.112.948
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		749.507.959	583.356.551
1. Tiền	111	V.1	749.507.959	583.356.551
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.857.010.264	62.356.539.228
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	120.276.103.037	22.175.338.454
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	42.797.193.556	39.286.856.056
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.434.509.842	5.609.408.723
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.817.821.678)	(4.817.821.678)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		167.025.507	102.757.673
III. Hàng tồn kho	140		68.215.077.772	7.847.012.209
1. Hàng tồn kho	141	V.5	68.215.077.772	7.847.012.209
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.168.637.445	207.204.960
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	301.772.831	49.060.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.866.864.614	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	158.144.457
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		712.332.548.964	708.709.064.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		209.325.780	165.933.709
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	209.325.780	165.933.709
II. Tài sản cố định	220		691.631.838.385	6.169.885.079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	691.616.506.878	6.150.553.572
- Nguyên giá	222		774.515.958.353	76.438.944.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.899.451.475)	(70.288.390.573)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.331.507	19.331.507
- Nguyên giá	228		159.047.619	159.047.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(143.716.112)	(139.716.112)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.677.020.782	702.297.272.233
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	15.677.020.782	702.297.272.233
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.814.364.017	75.973.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	4.814.364.017	75.973.878
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		948.322.782.404	779.703.177.847

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		811.624.728.817	634.125.800.878
I. Nợ ngắn hạn	310		251.051.637.164	33.502.709.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	141.431.511.233	20.741.686.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		292.231.221	2.303.671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.851.050.862	2.742.918.682
4. Phải trả người lao động	314		2.298.451.704	1.650.534.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	70.427.000	61.934.333
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	61.448.722.976	8.034.089.338
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	40.590.000.000	200.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		69.242.168	69.242.168
II. Nợ dài hạn	330		560.573.091.653	600.623.091.653
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	560.573.091.653	600.623.091.653
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.698.053.587	145.577.376.969
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	136.698.053.587	145.577.376.969
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		881.097.594	881.097.594
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		125.871.084	125.871.084
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(64.308.915.091)	(55.429.591.709)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		(55.429.591.709)	(41.317.682.190)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(8.879.323.382)	(14.111.909.519)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		948.322.782.404	779.703.177.847

Mai Sỹ Lợi
Người lập
Ngày 20 tháng 09 năm 2016

Mai Sỹ Lợi
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hằng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	133.763.279.111	42.691.583.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.763.279.111	42.691.583.128
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	125.100.159.264	46.008.568.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.663.119.847	(3.316.985.099)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	13.823.138	6.363.066
7. Chi phí tài chính	22		1.981.667	215.803.056
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.981.667	215.803.056
8. Chi phí bán hàng	25	V.4	7.174.432.394	5.102.322.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5	9.423.345.594	4.396.160.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.922.816.670)	(13.024.908.523)
11. Thu nhập khác	31		-	835.954.600
12. Chi phí khác	32	V.6	956.506.712	1.922.955.596
13. Lợi nhuận khác	40		(956.506.712)	(1.087.000.996)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.879.323.382)	(14.111.909.519)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.879.323.382)	(14.111.909.519)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.8	(443,97)	(705,60)



Mai Sỹ Lợi
 Người lập
 Ngày 20 tháng 09 năm 2016

Mai Sỹ Lợi
 Kế toán trưởng




 Đỗ Thị Hằng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(8.879.323.382)	(14.111.909.519)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12.615.060.902	2.580.817.437
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.823.138)	150.456.092
Chi phí lãi vay	06	1.981.667	215.803.056
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.723.896.049	(11.164.832.934)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(104.252.583.264)	21.034.421.087
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(60.368.065.563)	2.958.187.977
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	177.150.435.272	6.843.812
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(4.991.102.467)	697.996.162
Tiền lãi vay đã trả	14	6.511.000	(342.683.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.269.091.027	13.189.932.770
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.456.762.757)	(12.608.850.039)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	819.999.998
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.823.138	2.957.566
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.442.939.619)	(11.785.892.475)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	640.000.000	900.000.270
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	(2.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	340.000.000	(1.519.999.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	166.151.408	(115.959.435)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	583.356.551	699.315.986
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	749.507.959	583.356.551



Mai Sỹ Lợi

Người lập

Ngày 20 tháng 09 năm 2016

Mai Sỹ Lợi

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hằng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 (Tên cũ là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo Quyết định số 2409/QĐ/UB-ĐMDN ngày 30 tháng 06 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900325156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng), tổng số cổ phần là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, chi tiết: sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: khai thác đá vôi, đất sét làm nguyên liệu xi măng, khai thác, chế biến đá, cát, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: sản xuất các chất kết dính, vật liệu không nung;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: mua bán gạch, ngói, đất, cát, sỏi, chi tiết: sản xuất gạch, ngói;
- Bán buôn nhiều liệu rỗng, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác quặng sắt và;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 486 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 426 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính :

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2000 và phần mềm kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Theo thông báo nợ ngày 10 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai nêu rõ không tính lãi vay trong 15 năm đối với khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM 2

Km số 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn

Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	487.353.178	514.978.412
Tiền gửi ngân hàng	262.154.781	68.378.139
Cộng	749.507.959	583.356.551

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	39.162.665.443	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Huy Hoàng	12.962.780.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	12.298.323.000	-
Phải thu các đối tượng khác	55.852.334.594	22.175.338.454
Cộng	120.276.103.037	22.175.338.454

b. Phải thu bên liên quan

Công ty CP Xi măng Sông Lam	39.162.665.443	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The Vissai	10.134.786.200	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây lắp Vissai	2.762.932.000	-
Cộng	52.060.383.643	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	36.414.704.400	36.414.704.400
Trả trước cho người bán khác	6.382.489.156	2.872.151.656
Cộng	42.797.193.556	39.286.856.056

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ban điều hành tổng thầu dự án xi măng	1.733.403.129	1.733.403.129
Xí nghiệp xây lắp	1.559.966.673	1.559.966.673
Người lao động đã nghỉ việc	370.324.971	370.324.971
Phải thu khác	691.163.677	772.435.296
Người lao động tạm ứng	1.079.651.392	1.173.278.654
Cộng	5.434.509.842	5.609.408.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.820.144.973	1.909.215.485
Công cụ, dụng cụ	-	126.839.365
Chi phí SXKD dở dang	-	1.027.235.648
Thành phẩm	42.394.932.799	4.783.721.711
Cộng	68.215.077.772	7.847.012.209

6. Chi phí trả trước ngắn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Công cụ dụng cụ	301.772.831	49.060.503
Cộng	301.772.831	49.060.503
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	4.814.364.017	75.973.878
Cộng	4.814.364.017	75.973.878

7. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	209.325.780	165.933.709
Cộng	209.325.780	165.933.709

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM 2Km số 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn
Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	39.236.610.558	34.507.463.897	2.493.291.456	201.578.234	76.438.944.145
Đầu tư XDCB hoàn thành	285.429.029.654	409.789.970.654	-	-	695.219.000.308
Mua sắm trong năm	1.282.500.000	-	1.486.293.900	89.220.000	2.858.013.900
Tại ngày 31/12/2015	325.948.140.212	444.297.434.551	3.979.585.356	290.798.234	774.515.958.353
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	37.744.657.769	30.183.543.272	2.158.611.298	201.578.234	70.288.390.573
Khấu hao trong năm	4.126.023.690	8.150.561.863	316.341.228	18.134.121	12.611.060.902
Tại ngày 31/12/2015	41.870.681.459	38.334.105.135	2.474.952.526	219.712.355	82.899.451.475
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	1.491.952.789	4.323.920.625	334.680.158	-	6.150.553.572
Tại ngày 31/12/2015	284.077.458.753	405.963.329.416	1.504.632.830	71.085.879	691.616.506.878

Nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 26.980.865.510 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 691.616.506.878 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Hệ thống quản lý ISO VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	119.047.619	40.000.000	159.047.619
Tại ngày 31/12/2015	119.047.619	40.000.000	159.047.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	119.047.619	20.668.493	139.716.112
Khấu hao trong năm	-	4.000.000	4.000.000
Tại ngày 31/12/2015	119.047.619	24.668.493	143.716.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	19.331.507	19.331.507
Tại ngày 31/12/2015	-	15.331.507	15.331.507

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án thay đổi công nghệ, bổ sung thiết bị, nâng công suất nhà máy xi măng 1.500 tấn clanke/ngày	15.677.020.782	702.297.272.233
Trong đó:		
Chi phí xây dựng	15.677.020.782	540.494.883.837
Lãi vay vốn hóa	-	161.802.388.396
Cộng	15.677.020.782	702.297.272.233

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	85.001.325.235	-
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Thanh - Gia Lập	16.105.697.288	-
Công ty TNHH Anh Hùng Minh	10.400.264.909	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	8.036.087.000	8.036.087.000
Phải trả người bán khác	21.888.136.801	12.705.599.295
Cộng	141.431.511.233	20.741.686.295
b. Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	85.001.325.235	-
Công ty CP VISSAI Hà Nam	3.363.926.008	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại XL Vissai	2.788.174.120	-
Cộng	85.001.325.235	-

Công ty xác định có đầy đủ khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán, khi đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.165.971.285	13.570.891.571	14.556.455.486	1.180.407.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.959.210	-	15.959.210	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.243.959	-	2.243.959
Thuế tài nguyên	289.426.508	2.751.103.830	2.133.262.820	907.267.518
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	236.465.000	471.927.235	-	708.392.235
Các loại thuế khác	-	10.060.000	3.000.000	7.060.000
Phí, lệ phí và các khoản khác	35.096.679	2.809.638.819	798.971.904	2.045.679.780
Cộng	2.742.918.682	19.615.865.414	17.507.649.420	4.851.050.862

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí cải tạo phục hồi môi trường	70.427.000	61.934.333
Cộng	70.427.000	61.934.333

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	875.741.568	780.672.825
Bảo hiểm xã hội	3.395.273.485	3.868.626.663
Bảo hiểm y tế	82.326.993	678.631.172
Bảo hiểm thất nghiệp	37.854.301	272.908.086
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.057.526.629	2.433.250.592
Trong đó		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	53.134.567.055	-
Phải trả khác	3.922.959.574	2.433.250.592
Cộng	61.448.722.976	8.034.089.338
b. Phải trả khác bên liên quan		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	53.134.567.055	-
Cộng	53.134.567.055	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2015	Tăng	Giảm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	540.000.000	640.000.000	300.000.000	200.000.000
Nguyễn Văn Quang (*)	100.000.000	200.000.000	300.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Minh Ngọc (*)	440.000.000	440.000.000	-	-
Cộng	540.000.000	640.000.000	300.000.000	200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả (TM V.16)	40.050.000.000	40.050.000.000	-	-
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.590.000.000	40.690.000.000	300.000.000	200.000.000

(*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay từ 2 tháng đến 8 tháng, lãi suất 9%/năm.

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn (*)	-	293.687.046.868
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (*)	-	208.893.931.798
Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vinh (*)	-	98.042.112.987
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	600.623.091.653	-
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	600.623.091.653	600.623.091.653
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai	(40.050.000.000)	-
Cộng	560.573.091.653	600.623.091.653

(*): Khoản vay dài hạn được đồng tài trợ bởi các bên cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD-XM12/9 ngày 20 tháng 07 năm 2010. Các bên cho vay bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Vinh. Ngân hàng đầu mỗi là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn. Mục đích vay vốn để đầu tư thay đổi công nghệ, bổ sung thiết bị, nâng công suất nhà máy xi măng lên 1.500 tấn Clinker/ngày, hạn mức vay là 614.000.000.000 đồng, dư nợ vay tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 600.623.091.383 đồng. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp toàn bộ tài sản của Công ty và giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

Toàn bộ khoản vay đã được các bên cho vay bán lại cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng phát Vissai theo hợp đồng bán nợ số 01/2015/HĐBN-BIDV-PVCOMBANK-OCEANBANK-VISSAI-SONGLAM 2 ngày 10 tháng 12 năm 2015. Theo đó Các bên cho vay bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Vinh (với tư cách bên bán nợ) và Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (với tư cách bên mua nợ) và Công ty CP Xi măng Sông Lam 2 (với tư cách bên vay) thống nhất các điều khoản như sau:

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

- Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai đồng ý mua toàn bộ khoản nợ vay của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 tại các bên cho vay phục vụ dự án đầu tư thay đổi công nghệ, bổ sung thiết bị, nâng công suất nhà máy xi măng lên 1.500 tấn Clinker/ngày với số tiền là 600.623.091.653 đồng, nghĩa vụ vay được chuyển giao cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai.
- Hợp đồng mua bán nợ này là hợp đồng mua bán nợ không chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ được bán cho bên mua nợ do vậy toàn bộ tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay vẫn được thế chấp tại ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn.

Theo thông báo nợ ngày 10 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai gửi cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 thì Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai chốt số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 đến ngày 10 tháng 12 năm 2015 là 600.623.091.653 đồng không tính tiền lãi đối với khoản vay trên trong 15 năm. Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2 thực hiện thanh toán cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai theo đúng lộ trình của điều 3 hợp đồng bán nợ số 01/2015/HĐBN-BIDV-PVCOMBANK-OCEANBANK-VISSAI-SONGLAM 2 ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Hợp đồng vay dài hạn được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	40.050.000.000	-
Từ hai đến năm thứ năm	160.200.000.000	200.250.000.000
Từ năm thứ năm trở lên	400.373.091.653	400.373.091.653
Cộng	600.623.091.653	600.623.091.653
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn V.15)	(40.050.000.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	560.573.091.653	600.623.091.653

17. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	200.000.000.000	1.006.968.678	(41.317.682.190)	159.689.286.488
Lãi trong năm	-	-	(14.111.909.519)	(14.111.909.519)
Tại ngày 01/01/2015	200.000.000.000	1.006.968.678	(55.429.591.709)	145.577.376.969
Lãi trong năm	-	-	(8.879.323.382)	(8.879.323.382)
Tại ngày 31/12/2015	200.000.000.000	1.006.968.678	(64.308.915.091)	136.698.053.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phần		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	133.763.279.111	42.420.507.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	271.075.428
Cộng	<u>133.763.279.111</u>	<u>42.691.583.128</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Xi măng Sông Lam	35.685.372.403	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The Vissai	15.577.078.364	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây lắp Vissai	2.511.502.822	-
Cộng	<u>53.773.953.589</u>	<u>-</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	125.100.159.264	45.932.814.781
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	75.753.446
Cộng	<u>125.100.159.264</u>	<u>46.008.568.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.823.138	6.363.066
Cộng	13.823.138	6.363.066

4. Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lương bán hàng	730.332.269	607.292.041
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	4.574.437.866	63.571.545
Chi phí khấu hao	171.000.000	-
Chi phí khác	1.698.662.259	4.431.458.995
Cộng	7.174.432.394	5.102.322.581

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí khấu hao	512.082.800	-
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	4.654.589.337	3.441.943.202
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.064.382.255	245.447.685
Chi phí mua ngoài khác	2.070.283.732	407.066.803
Chi phí bằng tiền khác	1.122.007.470	301.703.163
Cộng	9.423.345.594	4.396.160.853

6. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.402.101.444
Các khoản bị phạt	956.506.712	428.472.079
Các khoản khác	-	92.382.073
Cộng	956.506.712	1.922.955.596

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM 2

Km số 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn

Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.879.323.382)	(14.111.909.519)
(Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	-	-
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(443,97)	(705,60)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.847.903.743	21.094.411.893
Chi phí nhân công	15.895.892.580	14.086.643.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.630.933.910	2.580.817.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.217.072.557	17.621.454.486
Chi phí khác bằng tiền	1.122.007.470	1.408.486.605
Cộng	141.713.810.260	56.791.813.969

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại chỉ có 1 bộ phận là sản xuất xi măng. Theo đó Công ty không thuộc đối tượng phải lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Km số 62, Quốc lộ 7, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	601.163.091.653	600.823.091.653
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	749.507.959	583.356.551
Nợ thuần	600.413.583.694	600.239.735.102
Vốn chủ sở hữu	136.698.053.587	145.577.376.969
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	439,23%	412,32%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	749.507.959	583.356.551
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.022.465.589	21.793.646.845
Các khoản ký quỹ	209.325.780	165.933.709
Cộng	120.981.299.328	22.542.937.105
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	601.163.091.653	600.823.091.653
Phải trả người bán và phải trả khác	202.880.234.209	28.775.775.633
Chi phí phải trả	70.427.000	61.934.333
Cộng	804.113.752.862	629.660.801.619

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	749.507.959	-	749.507.959
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.022.465.589	-	120.022.465.589
Các khoản ký quỹ	209.325.780	-	209.325.780
Cộng	120.981.299.328	-	120.981.299.328
31/12/2015			
Các khoản vay	40.590.000.000	560.573.091.653	601.163.091.653
Phải trả người bán và phải trả khác	202.880.234.209	-	202.880.234.209
Chi phí phải trả	70.427.000		70.427.000
Cộng	243.540.661.209	560.573.091.653	804.113.752.862
Chênh lệch thanh khoản thuần	(122.559.361.881)	(560.573.091.653)	(683.132.453.534)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền	583.356.551	-	583.356.551
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.793.646.845	-	21.793.646.845
Các khoản ký quỹ	165.933.709	-	165.933.709
Cộng	22.542.937.105	-	22.542.937.105
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.775.775.633	-	28.775.775.633
Chi phí phải trả	61.934.333	-	61.934.333
Các khoản vay	200.000.000	600.623.091.653	600.823.091.653
Cộng	29.037.709.966	600.623.091.653	629.660.801.619
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.494.772.861)	(600.623.091.653)	(607.117.864.514)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

3. Thông tin về bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây lắp Vissai	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The Vissai	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		
Công ty CP Xi măng Sông Lam	35.685.372.403	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The Vissai	15.577.078.364	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây lắp Vissai	2.511.502.822	-
Mua hàng		
Công ty CP Xi măng Sông Lam	85.001.325.235	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Xây lắp Vissai	2.788.174.120	-
Công ty CP Vissai Hà Nam	3.363.926.008	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. Thông tin về bên liên quan (tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	39.162.665.443	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The Vissai	10.134.786.200	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây lắp Vissai	2.762.932.000	-
Các khoản phải trả người bán		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	85.001.325.235	-
Công ty CP VISSAI Hà Nam	3.363.926.008	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại XL Vissai	2.788.174.120	-
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	53.134.567.055	-
Các khoản vay dài hạn		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát -Vissai	600.623.091.653	600.623.091.653

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	90.828.566	414.030.294
Cộng	90.828.566	414.030.294

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM 2

Km số 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn

Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****5. Số liệu so sánh (Tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	70.994.112.948	-	70.994.112.948
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	131	61.080.502.901	1.276.036.327	62.356.539.228
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.436.130.069	1.173.278.654	5.609.408.723
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	102.757.673	102.757.673
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.483.241.287	(1.276.036.327)	207.204.960
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.276.036.327	(1.276.036.327)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	779.703.177.847	-	779.703.177.847

Mai Sỹ Lợi

Người lập

Ngày 20 tháng 09 năm 2016

Mai Sỹ Lợi

Kế toán trưởng



Đà Thị Hằng

Tổng Giám đốc